BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**504.523.990.387**	**528.300.708.218**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	108.942.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**504.523.990.387**	**528.191.765.899**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	443.290.557.474	470.246.032.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**61.233.432.913**	**57.945.732.978**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	79.929.765	434.645.055
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.953.692.624	965.149.752
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.928.879.147*	*965.145.876*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	39.053.782.481	36.310.042.402
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	6.680.490.222	8.473.609.666
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**13.625.397.351**	**12.631.576.213**
11. Thu nhập khác	31	VI.6	105.017.000	962.402.680
12. Chi phí khác	32	VI.7	30.385.905	13.928.261
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**74.631.095**	**948.474.419**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**13.700.028.446**	**13.580.050.632**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.758.973.485	2.721.482.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	**60**	**VI.11**	**10.941.054.961**	**10.858.568.246**

TP.HCM, ngày 16 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Huỳnh Ngọc Cẩm Châu	Bùi Thị Lệ Huyền	Đinh Trịnh Chính